

Trường Nguyễn Thị Thập Họ và tên	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II (ĐỀ C) Năm học 2025-2026 Môn: Tiếng Anh khối 7 (60 phút)	Giám thị 1	Số thứ tự
Lớp: SBD:		Giám thị 2	Số phách
Ngày kiểm tra:			

LỜI GHI CỦA GIÁM KHẢO	Điểm bài thi		Giám khảo 1	Số phách
	Bảng số	Bảng chữ	Giám khảo 2	Số thứ tự

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Đề thi gồm 4 trang. Thí sinh làm ngay trên đề thi này. Thí sinh phải làm đúng theo hướng dẫn cách ghi câu trả lời ở mỗi phần. Bài làm chỉ được chấm ở các phần trả lời. Mọi cách ghi khác đều không được chấm điểm

Điểm phần I	Điểm phần II	Điểm phần III	Điểm phần IV	Điểm phần V	Điểm phần VI	Điểm phần VII	Điểm phần VIII	Điểm tổng

I. Listen and choose the word/ phrase (A, B, C or D) that best answers the questions given (sentence 1, 2), and then decide if the statements are True or False (sentence 3, 4). (1 pt) SB - Unit 9 - Lesson 2

*(Từ câu 1 đến câu 2, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C or D) đại diện cho câu trả lời đúng; từ câu 3 đến câu 4, thí sinh phải viết đầy đủ từ True hoặc False vào phần **ANSWERS**).*

1. Janet lost her _____.

A. schoolbag B. passport C. ticket D. wallet

2. Her _____ gave her some more money .

A. dad B. grandma C. mom D. friend

3. She bought some souvenirs in a big department store.

4. Peter had a trip to Washington.

ANSWERS

1.
2.
3.
4.

II. Choose the word/ phrase/ sentence (A, B, C or D) that best fits the space or best answers the question given in each sentence. (2.5 pts)

*(Từ câu 5 đến câu 14, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C or D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần **ANSWERS**).*

5. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?

A. liked B. enjoyed C. listened D. played

6. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?

A. subway B. luggage C. public D. support

7. Which word has a different stress pattern from that of the others?

A. comfortable B. convenient C. frequent D. local

8. Which word has a different stress pattern from that of the others?

A. stadium B. sightseeing C. national D. department

9. Before getting on the plane, take your _____ in your hand.

A. luggage B. suitcase C. boarding pass D. bag

10. The math exercise is too easy for her, so she _____ ask for help.

A. didn't had to B. didn't have to C. doesn't have to D. don't have to

ANSWERS

5.
6.
7.
8.
9.
10.

HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO KHUNG NÀY

11. It is common to make a ____ before blowing out the candles at the birthday party.
A. give B. wish C. celebrate D. exchange
12. I think technology _____ make the world a better place.
A. will B. won't C. have to D. should
13. Some Asian countries, such as Vietnam and South Korea, _____ Lunar New Year.
A. celebrate B. wish C. compete D. decorate
14. **Mary:** "Thanks for your advice." **Jane:** " _____ "
A. You're welcome. B. Sure, good idea. C. Do you agree? D. Me too.

11.

12.

13.

14.

III. Look at the signs or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16 (0.5 pt)

(Từ câu 15 đến câu 16 thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần ANSWERS).

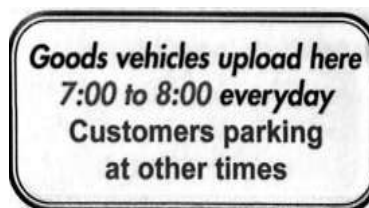
ANSWERS

15. What does the sign mean?
A. You must not play the violin.
B. You must not honk the horn.
C. You must turn down the music.
D. You must use headphones.



15.

16. What does the sign mean?
A. Customers can park here every time.
B. Customers can park for only one hour daily.
C. While goods vehicles are uploading, customers are not allowed to park.
D. Customers can park from 7:00 to 8:00 every day.



16.

IV. Chose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage (1.5 pts)

(Từ câu 17 đến câu 22, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần ANSWERS).

THE JOUNEY OF A SHOEBOX

A small shoebox can bring a lot of happiness to the person who gets it. Every year, millions of children around the world (17)_____ old shoeboxes at home and bring them to school. They (18)_____ the shoeboxes with colorful paper. They fill the boxes with small (19)_____ like toys, toothbrushes, hats, or gloves. They also put stationery like pens, pencils, and notebooks (20)_____ the boxes. Their school will deliver the boxes to a (21)____. After that, volunteer at the charity will check each shoebox and send it to children in need in other countries. Poor and sick children always feel happy when they receive these (22)_____.

HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO KHUNG NÀY

ANSWERS

- | | | | |
|-----------------|--------------|------------|------------|
| 17. A. buy | B. find | C. make | D. recycle |
| 18. A. decorate | B. clean | C. fill | D. paint |
| 19. A. gifts | B. events | C. actions | D. malls |
| 20. A. under | B. on | C. behind | D. in |
| 21. A. charity | B. museum | C. park | D. cinema |
| 22. A. bags | B. shoeboxes | C. cans | D. cartons |

17.
18.
19.
20.
21.
22.

V. Read the following passage. Decide whether the statements from 23 to 26 are True or False, and choose the correct answers (A, B, C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5 pts)

(Từ câu 23 đến 26, thí sinh phải viết đầy đủ từ True hoặc False vào ô trả lời. Mọi cách viết khác đều không chấm điểm. Đối với câu 27 và 28, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần ANSWERS).

The largest festival in the world is Brazil's Carnival which is considered by many to be "the greatest show on Earth." More than 5 million people travel to Brazil in February or March to attend this religious celebration that begins 40 days before Easter. The festival is full of live music and people dancing in the streets. More than 70+ samba schools compete every year for cash and prizes. Dancers from these schools wear colorful and creative costumes. They form a long line of people in the street called a parade that starts in the city center and stops at the ocean. The festival takes place before the Catholic season of Lent and celebrates the last day before Brazilians must give up the things they love for 40 days. The festival ends with a beautiful fire show on the beach when the sun goes down.

ANSWERS

23. The Carnival is a large festival in Brazil.
24. Dancers from local samba schools wear costumes and compete for cash and prize.
25. The festival takes place after the Catholic season of Lent.
26. The festival begins with a beautiful fire show on the beach.
27. What festival does the writer mention?
- A. Japan's Carnival B. Brazil's Carnival C. Easter D. Tet
28. How does the festival end?
- A. With a dance competition
- B. With a parade in the ocean
- C. With a fire show on the beach
- D. With a samba music concert

23.
24.
25.
26.
27.
28.

VI. Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

(Thí sinh phải viết từ cần điền vào Phần ANSWERS dưới đây)

29. How many _____ are there in the traditional festival? **(participate)**
30. The path was _____ after the rain. **(mud)**
31. People _____ the Tower of London in 1066. It's a historic building. **(build)**

HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO KHUNG NÀY

32. Tourists can enjoy an interesting _____ tour at Green Pearl Island Tourist in Thanh Thuy. **(sightsee)**
33. You can explore beautiful villages, _____ towns, and just enjoy the country. **(history)**
34. Tom did the test _____, so he got a bad mark. **(care)**

ANSWERS

29.	32.
30.	33.
31.	34.

VII. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (0.5 pt)

(Từ câu 35 đến 36, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS).

35. doesn't have to / for this project./ work / in a group / He /
36. I / Bondi Beach. / eat fish / at / am going to / and chips /

ANSWERS

35.	
36.	

VIII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1 pt)

(Từ câu 37 đến 40, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS).

37. Anna eats too much, so she can't eat anything now.

→ Because _____

38. The subway is more convenient than the bus.

→ The bus isn't _____

39. Both Vietnamese and Chinese people give children lucky money on Lunar New Year.

→ Like Chinese people, _____

40. Hoang wants to study overseas, but he is afraid of living alone.

→ Although _____

ANSWERS

37.	Because
38.	The bus isn't
39.	Like Chinese people,
40.	Although

Trường Nguyễn Thị Thập Họ và tên	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II (ĐỀ D) Năm học 2025-2026 Môn: Tiếng Anh khối 7 (60 phút)	Giám thị 1	Số thứ tự
Lớp: SBD:		Giám thị 2	Số phách
Ngày kiểm tra:			

LỜI GHI CỦA GIÁM KHẢO	Điểm bài thi		Giám khảo 1	Số phách
	Bảng số	Bảng chữ	Giám khảo 2	Số thứ tự

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Đề thi gồm 4 trang. Thí sinh làm ngay trên đề thi này. Thí sinh phải làm đúng theo hướng dẫn cách ghi câu trả lời ở mỗi phần. Bài làm chỉ được chấm ở các phần trả lời. Mọi cách ghi khác đều không được chấm điểm

Điểm phần I	Điểm phần II	Điểm phần III	Điểm phần IV	Điểm phần V	Điểm phần VI	Điểm phần VII	Điểm phần VIII	Điểm tổng

I. Listen and choose the word/ phrase (A, B, C or D) that best answers the questions given (sentence 1, 2), and then decide if the statements are True or False (sentence 3, 4). sb(unit 9 lesson 2)
. (1 pt)

(Từ câu 1 đến câu 2, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C or D) đại diện cho câu trả lời đúng; từ câu 3 đến câu 4, thí sinh phải viết đầy đủ từ True hoặc False vào phần **ANSWERS**).

- Janet lost her _____.
A. wallet B. schoolbag C. ticket D. passport
- Her _____ gave her some more money .
A. grandpa B. grandma C. sister D. mom
- She bought some souvenirs in a big department store.
- Peter had a trip to New York.

ANSWERS

1.
2.
3.
4.

II. Choose the word/ phrase/ sentence (A, B, C or D) that best fits the space or best answers the question given in each sentence. (2.5 pts)

(Từ câu 5 đến câu 14, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C or D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần **ANSWERS**).

- Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?
A. played B. enjoyed C. listened D. liked
- Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?
A. lantern B. race C. exchange D. celebrate
- Which word has a different stress pattern from that of the others?
A. comfortable B. convenient C. frequent D. local
- Which word has a different stress pattern from that of the others?
A. stadium B. sightseeing C. national D. department
- Before getting on the plane, take your _____ in your hand.
A. luggage B. suitcase C. boarding pass D. bag
- The math exercise is too easy for her, so she _____ ask for help.
A. didn't had to B. didn't have to C. doesn't have to D. don't have to

ANSWERS

5.
6.
7.
8.
9.
10.

HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO KHUNG NÀY

11. It is common to make a ____ before blowing out the candles at the birthday party.
 A. give B. wish C. celebrate D. exchange
12. I think technology _____ make the world a better place.
 A. will B. won't C. have to D. should
13. Some Asian countries, such as Vietnam and South Korea, _____ Lunar New Year.
 A. celebrate B. wish C. compete D. decorate
14. **Mary:** "Thanks for your advice." **Jane:** " _____ "
 A. You're welcome. B. Sure, good idea. C. Do you agree? D. Me too.

11.

12.

13.

14.

III. Look at the signs or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16 (0.5 pt)

*(Từ câu 15 đến câu 16 thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần **ANSWERS**)*

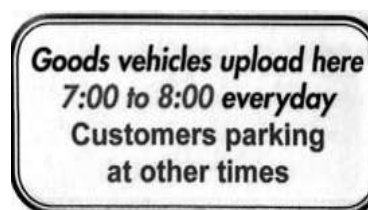
ANSWERS

15. What does the sign mean?
 A. You have to pay by cash in this shop.
 B. You can't bring credit cards to this shop.
 C. You can use your credit cards in this shop.
 D. This shop can't give you any credit cards



15.

16. What does the sign mean?
 A. Customers can park here every time.
 B. Customers can park for only one hour daily.
 C. While goods vehicles are uploading, customers are not allowed to park.
 D. Customers can park from 7:00 to 8:00 every day.



16.

IV. Chose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage (1.5 pts)

*(Từ câu 17 đến câu 22, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần **ANSWERS**)*

THE JOUNEY OF A SHOEBOX

A small shoebox can bring a lot of happiness to the person who gets it. Every year, millions of children around the world recycle old shoeboxes at home and (17) _____ them to school. They (18) _____ the shoeboxes with colorful paper. They fill the boxes with small (19) _____ like toys, toothbrushes, hats, or gloves. They also put stationery like pens, pencils, and notebooks (20) _____ the boxes. Their school will deliver the boxes to a (21) _____. After that, volunteer at the charity will check each shoebox and send it to children in need in other countries. Poor and sick children always feel happy when they receive these (22) _____.

HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO KHUNG NÀY

ANSWERS

- | | | | |
|-----------------|--------------|------------|------------|
| 17. A. bring | B. find | C. make | D. recycle |
| 18. A. decorate | B. clean | C. fill | D. paint |
| 19. A. gifts | B. events | C. actions | D. malls |
| 20. A. under | B. on | C. behind | D. in |
| 21. A. charity | B. museum | C. park | D. cinema |
| 22. A. bags | B. shoeboxes | C. cans | D. cartons |

17.
18.
19.
20.
21.
22.

V. Read the following passage. Decide whether the statements from 23 to 26 are True or False, and choose the correct answers (A, B, C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5 pts)

*(Từ câu 23 đến 26, thí sinh phải viết đầy đủ từ True hoặc False vào ô trả lời. Mọi cách viết khác đều không chấm điểm. Đối với câu 27 và 28, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần **ANSWERS**).*

The largest festival in the world is Brazil's Carnival which is considered by many to be "the greatest show on Earth." More than 5 million people travel to Brazil in February or March to attend this religious celebration that begins 40 days before Easter. The festival is full of live music and people dancing in the streets. More than 70+ samba schools compete every year for cash and prizes. Dancers from these schools wear colorful and creative costumes. They form a long line of people in the street called a parade that starts in the city center and stops at the ocean. The festival takes place before the Catholic season of Lent and celebrates the last day before Brazilians must give up the things they love for 40 days. The festival ends with a beautiful fire show on the beach when the sun goes down.

ANSWERS

23. The Carnival is a large festival in Brazil.
24. Dancers from local samba schools wear costumes and compete for cash and prize.
25. The festival takes place after the Catholic season of Lent.
26. The festival finishes with a beautiful fire show on the beach.
27. What festival does the writer mention?
- A. Japan's Carnival B. Brazil's Carnival C. Easter D. Tet
28. How does the festival end?
- A. With a dance competition
- B. With a parade in the ocean
- C. With a fire show on the beach
- D. With a samba music concert

23.
24.
25.
26.
27.
28.

VI. Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

*(Thí sinh phải viết từ cần điền vào Phần **ANSWERS** dưới đây)*

29. Tourists can enjoy an interesting _____ tour at Green Pearl Island Tourist in Thanh Thuy. (**sightsee**)
30. You can explore beautiful villages, _____ towns, and just enjoy the country. (**history**)
31. Tom did the test _____, so he got a bad mark. (**care**)

HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO KHUNG NÀY

32. How many _____ are there in the traditional festival? **(participate)**
33. The path was _____ after the rain. **(mud)**
34. People _____ the Tower of London in 1066. It's a historic building. **(build)**

ANSWERS

29.	32.
30.	33.
31.	34.

VII. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (0.5 pt)

(Từ câu 35 đến 36, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS).

35. Germany's Christmas / is / Japan's. / dessert / different from/
36. I / Bondi Beach. / eat fish / at / am going to / and chips /

ANSWERS

35.	
36.	

VIII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1 pt)

(Từ câu 37 đến 40, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS).

37. Both Vietnamese and Chinese people give children lucky money on Lunar New Year.
→ Like Chinese people, _____
38. Hoang wants to study overseas, but he is afraid of living alone.
→ Although _____
39. Anna eats too much, so she can't eat anything now.
→ Because _____
40. The subway is more convenient than the bus.
→ The bus isn't _____

ANSWERS

37.	Like Chinese people,
38.	Although
39.	Because
40.	The bus isn't

- THE END OF THE TEST -

ĐÁP ÁN ĐỀ A

I. Listen and choose the word/ phrase (A, B, C or D) that best answers the questions given (sentence 1, 2), and then decide if the statements are True or False (sentence 3, 4). (1 pt) sb(unit 9 lesson 2)

(Từ câu 1 đến câu 2, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C or D) đại diện cho câu trả lời đúng; từ câu 3 đến câu 4, thí sinh phải viết đầy đủ từ True hoặc False vào phần ANSWERS).

ANSWERS

1. Janet lost her _____.

A. schoolbag B. passport C. ticket D. wallet

2. Her _____ gave her some more money .

A. dad B. grandma C. mom D. friend

3. She bought some souvenirs in a big department store.

4. Peter had a trip to Washington.

1. D

2. C

3. TRUE

4. FALSE

II. Choose the word/ phrase/ sentence (A, B, C or D) that best fits the space or best answers the question given in each sentence. (2.5 pts)

(Từ câu 5 đến câu 14, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C or D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS).

5. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others? A. lik <u>ed</u> B. enjoy <u>ed</u> C. listen <u>ed</u> D. play <u>ed</u>	5. A
6. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others? A. s <u>ub</u> way B. l <u>u</u> ggage C. p <u>u</u> blic D. s <u>u</u> pport	6. D
7. Which word has a different stress pattern from that of the others? A. comfortable B. convenient C. frequent D. local	7. B
8. Which word has a different stress pattern from that of the others? A. stadium B. sightseeing C. national D. department	8. D
9. Before getting on the plane, take your _____ in your hand A. luggage B. suitcase C. boarding passes D. bags	9. C
10. The math exercise is too easy for her, so she _____ ask for help. A. didn't had to B. didn't have to C. doesn't have to D. don't have to	10. C
11. It is common to make a _____ before blowing out the candles at the birthday party. A. give B. wish C. celebrate D. exchange	11. B
12. I think technology _____ make the world a better place. A. will B. won't C. have to D. should	12. A
13. Some Asian countries, such as Vietnam and South Korea, _____ Lunar New Year. A. celebrate B. wish C. compete D. decorate	13. A
14. P1: Thanks for your advice. P2: "_____" A. You're welcome B. sure, good idea C. Do you agree D. Me too	14. A

III. Look at the signs or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16 (0.5 pts)

(Từ câu 15 đến câu 16 thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần ANSWERS)

ANSWERS

15. What does the sign mean? A. You must not play the violin. B. You must not honk the horn. C. You must turn down the music. D. You must use headphones.		15. B
---	--	-------

28. How does the festival end? A. With a dance competition B. With a parade in the ocean C. With a fire show on the beach D. With a samba music concert	28. C
---	-------

VI. Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

(Thí sinh phải viết từ cần điền vào Phần ANSWERS dưới đây)

29. How many _____ are there in the traditional festival? (participate)
 30. The path was _____ after the rain. (mud)
 31. People _____ the Tower of London in 1066. It's a historic building (build)
 32. Tourists can enjoy an interesting _____ tour at Green Pearl Island Tourist in Thanh Thuy. (sightsee)
 33. You can explore beautiful villages, _____ towns, and just enjoy the country. (history)
 34. Tom did the test _____, so he got a bad mark. (care)

ANSWERS

29. PARTICIPANTS	32. SIGHTSEEING
30. MUDDY	33. HISTORIC
31. BUILT	34. CARELESSLY

VII. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (0.5 pt)

(Từ câu 35 đến 36, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS.)

35. / doesn't have to / for this project. / work / in a group / He /
 36. I / Bondi Beach. / eat fish / at / am going to / and chips /

ANSWERS

35.	HE DOESN'T HAVE TO WORK IN A GROUP FOR THIS PROJECT.
36.	I AM GOING TO EAT FISH AND CHIPS AT BONDI BEACH.

VIII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1 pt)

(Từ câu 37 đến 40, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS.)

37. Anna eats too much, so she can't eat anything now.
 → **Because** _____
 38. The subway is more convenient than the bus.
 → The bus isn't _____
 39. Both Vietnamese and Chinese people give children lucky money on Lunar New Year.
 → Like Chinese people, _____
 40. Hoang wants to study overseas, but he is afraid of living alone.
 → Although _____

ANSWERS

37.	BECAUSE ANN EAT TOO MUCH, HE CAN'T EAT ANYTHING NOW.
38.	THE BUS ISN'T AS CONVENIENT AS THE SUBWAY.
39.	LIKE CHINESE PEOPLE, VIETNAMESE GIVE CHILDREN LUCKY MONEY ON LUNAR NEW YEAR.
40.	ALTHOUGH HOANG WANT TO STUDY OVERSEAS, HE IS AFRAID OF LIVING ALONE.

ĐÁP ÁN ĐỀ B

I. Listen and choose the word/ phrase (A, B, C or D) that best answers the questions given (sentence 1, 2), and then decide if the statements are True or False (sentence 3, 4). (1 pt) sb(unit 9 lesson 2)

(Từ câu 1 đến câu 2, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C or D) đại diện cho câu trả lời đúng; từ câu 3 đến câu 4, thí sinh phải viết đầy đủ từ True hoặc False vào phần ANSWERS).

1. Janet lost her _____.
A. wallet B. wallet C. ticket D. passport
2. Her _____ gave her some more money .
A. grandpa B. grandma C. sister D. mom
3. She bought some souvenirs in a big department store.
4. Peter had a trip to New York.

ANSWERS

- | |
|---------|
| 1. A |
| 2. D |
| 3. TRUE |
| 4. TRUE |

II. Choose the word/ phrase/ sentence (A, B, C or D) that best fits the space or best answers the question given in each sentence. (2.5 pts)

(Từ câu 5 đến câu 14, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C or D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS).

5. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others? A. play <u>ed</u> B. enjoy <u>ed</u> C. listen <u>ed</u> D. lik <u>ed</u>	5. D
6. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others? A. lan <u>tern</u> B. r <u>a</u> ce C. exch <u>a</u> nge D. celebr <u>a</u> te	6. A
7. Which word has a different stress pattern from that of the others? A. comfortable B. convenient C. frequent D. local	7. B
8. Which word has a different stress pattern from that of the others? A. stadium B. sightseeing C. national D. department	8. D
9. Before getting on the plane, take your _____ in your hand A. luggage B. suitcase C. boarding passes D. bags	9. C
10. The math exercise is too easy for her, so she _____ ask for help. A. didn't had to B. didn't have to C. doesn't have to D. don't have to	10. C
11. It is common to make a _____ before blowing out the candles at the birthday party. A. give B. wish C. celebrate D. exchange	11. B
12. I think technology _____ make the world a better place. A. will B. won't C. have to D. should	12. A
13. Some Asian countries, such as Vietnam and South Korea, _____ Lunar New Year. A. celebrate B. wish C. compete D. decorate	13. A
14. P1: Thanks for your advice. P2: " _____." A. You're welcome B. sure, good idea C. Do you agree D. Me too	14. A

III. Look at the signs or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16 (0.5 pts)

(Từ câu 15 đến câu 16 thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần ANSWERS)

ANSWERS

15. What does the sign mean? A. You have to pay by cash in this shop. B. You can't bring credit cards to this shop. C. You can use your credit cards in this shop. D. This shop can't give you any credit cards.	 CASH ONLY	15. A
16. What does the sign mean? A. Customers can park here every time. B. Customers can park for only one hour daily. C. While goods vehicles are uploading, customers are not allowed to park. D. Customers can park from 7:00 to 8:00 every day.		16.C

IV. Chose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage (1.5 pts)

(Từ câu 17 đến câu 22, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần ANSWERS.)

THE JOUNEY OF A SHOEBOX

A small shoebox can bring a lot of happiness to the person who gets it. Every year, millions of children around the world recycle old shoeboxes at home and (17)_____ them to school. They (18)_____ the shoeboxes with colorful paper. They fill the boxes with small (19)_____ like toys, toothbrushes, hats, or gloves. They also put stationery like pens, pencils, and notebooks (20)_____ the boxes. Their school will deliver the boxes to a (21)____. After that, volunteer at the charity will check each shoebox and send it to children in need in other countries. Poor and sick children always feel happy when they receive these (22)_____.

				ANSWERS
17. A. bring	B. find	C. make	D. recycle	17. A
18. A. decorate	B. clean	C. fill	D. paint	18. A
19. A. gifts	B. events	C. actions	D. malls	19. A
20. A. under	B. on	C. behind	D. in	20. D
21. A. charity	B. museum	C. park	D. cinema	21. A
22. A. bags	B. shoeboxes	C. cans	D. cartons	22. B

V. Read the following passage. Decide whether the statements from 23 to 26 are True or False, and choose the correct answers (A, B, C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5pts)

(Từ câu 23 đến 26, thí sinh phải viết đầy đủ từ True hoặc False vào ô trả lời. Mọi cách viết khác đều không chấm điểm. Đối với câu 27 và 28, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần ANSWERS.)

The largest festival in the world is Brazil's Carnival which is considered by many to be "the greatest show on Earth." More than 5 million people travel to Brazil in February or March to attend this religious celebration that begins 40 days before Easter. The festival is full of live music and people dancing in the streets. More than 70+ samba schools compete every year for cash and prizes. Dancers from these schools wear colorful and creative costumes. They form a long line of people in the street called a parade that starts in the city center and stops at the ocean. The festival takes place before the Catholic season of Lent and celebrates the last day before Brazilians must give up the things they love for 40 days. The festival ends with a beautiful fire show on the beach when the sun goes down.

ANSWERS

23. The Carnival is a large festival in Brazil.	23. TRUE
---	----------

24. Dancers from local samba schools wear costumes and compete for cash and prize.	24. TRUE
25. The festival takes place after the Catholic season of Lent.	25. FALSE
26. The festival finishes with a beautiful fire show on the beach.	26. TRUE
27. What festival does the writer mention? A. Japan's Carnival B. Brazil's Carnival C. Easter D. Tet	27. B
28. How does the festival end? A. With a dance competition B. With a parade in the ocean C. With a fire show on the beach D. With a samba music concert	28. C

VI. Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

(Thí sinh phải viết từ cần điền vào Phần ANSWERS dưới đây)

29. Tourists can enjoy an interesting _____ tour at Green Pearl Island Tourist in Thanh Thuy. (sightsee)
30. You can explore beautiful villages, _____ towns, and just enjoy the country. (history)
31. Tom did the test _____, so he got a bad mark. (care)
32. How many _____ are there in the traditional festival? (participate)
33. The path was _____ after the rain. (mud)
34. People _____ the Tower of London in 1066. It's a historic building (build)

ANSWERS

29. SIGHTSEEING	32. PARTICIPANTS
30. HISTORIC	33. MUDDY
31. CARELESSLY	34. BUILT

VII. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (0.5 pt)

(Từ câu 35 đến 36, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS.)

35. Germany's Christmas / is / Japan's. / dessert / different from/
36. I / Bondi Beach. / eat fish / at / am going to / and chips /

ANSWERS

35.	GERMANY CHRISTMAS DESSERT IS DIFFERENT FROM JAPAN'S.
36.	I AM GOING TO EAT FISH AND CHIPS AT BONDI BEACH.

VIII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1 pt)

(Từ câu 37 đến 40, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS.)

37. Both Vietnamese and Chinese people give children lucky money on Lunar New Year.
→ Like Chinese people, _____
38. Hoang wants to study overseas, but he is afraid of living alone.
→ Although _____
39. Anna eats too much, so she can't eat anything now.
→ Because _____
40. The subway is more convenient than the bus.
→ The bus isn't _____

ANSWERS

37.	LIKE CHINESE PEOPLE, VIETNAMESE GIVE CHILDREN LUCKY MONEY ON LUNAR NEW YEAR.
38.	ALTHOUGH HOANG WANT TO STUDY OVERSEAS, HE IS AFRAID OF LIVING ALONE.
39.	BECAUSE ANN EAT TOO MUCH, HE CAN'T EAT ANYTHING NOW.
40.	THE BUS ISN'T AS CONVENIENT AS THE SUBWAY.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN HƯNG
TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ THẬP

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ CUỐI HKII
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN: Tiếng Anh - Lớp 7

A. Objectives:

- To evaluate the students' target language learnt in **Unit 6 to 9**
- To enable students to get used to various forms of exercises through aspects: Pronunciation, Vocabulary, Grammar, Reading comprehension, Listening, Writing

B. Language content:

1. Vocabulary: Topics: *Education, Transportation,, Festivals around the world, English in the world*

2. Grammar: *Present Simple and “have to”, Intensifiers and “because”, Possessive pronouns and adjectives in order, “(not) as...as”, Future Simple, “like” and “different from”, Articles, Past Simple with Regular verbs*

3. Skills: Listening, Reading and Writing.

4. Time allowed: 60 minutes

5. Number of test items: 40

- Multiple choice: 28 (70%): 7.0/10

- Writing: 12 (30%): 3.0/10

6. Scoring scheme: 10

Questions	Tested aspects/ areas	Score	Weight
1-4	Listening (4 x 0.25)	1.0	10%
5-14	Pronunciation/ Language/ Conversation/ Grammar (10 x 0.25)	2.5	25%
15-16	Sign/ Notice (2 x 0.25)	0.5	5%
17-22	Cloze reading (5 x 0.25)	1.5	15%
23-28	Reading: True/ False + Main idea (6 x 0.25)	1.5	15%
29-34	Word form (language) (6 x 0.25)	1.5	15%

35-36	Rearrange (2 x 0.25)	0.5	5%
37-40	Transformation (4 x 0.25)	1.0	10%

C. Teaching aids: loudspeaker, copies of the test

D. Procedure

1. Matrix

Đề mục	CÂU HỎI	Chuẩn kiến thức	Mức độ				Số câu		Số điểm từng phần	Thời gian
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Trắc nghiệm	Tự luận		
					Thấp	Cao				
I. Listen (1-4) (1.0 pt)	1	Listen for specific information (2 câu chọn A, B, C or D; 2 câu True, False)	X				X		0.25	
	2		X				X		0.25	
	3		X				X		0.25	
	4		X				X		0.25	
II. Multiple choice (5-14) (2.5 pts)	5	Sound		X			X		0.25	
	6	Sound		X			X		0.25	
	7	Stress	X				X		0.25	
	8	Stress	X				X		0.25	
	9	Vocabulary				X	X		0.25	
	10	Grammar	X				X		0.25	
	11	Vocabulary		X			X		0.25	
	12	Grammar	X				X		0.25	
	13	Vocabulary	X				X		0.25	
	14	Everyday English		X			X		0.25	
III. Signs/ Notices (15-16) (0.5 pt)	15	Public signs/ Notices	X				X		0.25	
	16		X				X		0.25	
IV. Fill in the blanks (17-22) (1.5 pts)	17	Topic: (unit 6 - unit 9)	X				X		0.25	
	18		X				X		0.25	
	19		X				X		0.25	
	20		X				X		0.25	
	21			X			X		0.25	
	22				X		X		0.25	
V. Reading comprehension (23-28) (1.5 pts)	23	Topic: (unit 6 - unit 9)		X			X		0.25	
	24			X			X		0.25	
	25			X			X		0.25	
	26			X			X		0.25	
	27				X		X		0.25	
	28				X		X		0.25	
VI. Word forms (29 - 34) (1.5pt)	29	Noun			X			X	0.25	
	30	Adj			X			X	0.25	
	31	Verb		X				X	0.25	
	32	Noun	X					X	0.25	
	33	Adj		X				X	0.25	
	34	Adv		X				X	0.25	
VII. Rearrange (35-36) (0.5 pt)	35	Statement				X		X	0.25	
	36	Statement				X		X	0.25	

VIII. Rewrite (37-40) (1 pt)	37	Sentence Transformation			X			X	0.25	
	38	Sentence Transformation			X			X	0.25	
	39	Sentence Transformation			X			X	0.25	
	40	Sentence Transformation				X		X	0.25	
Tổng số câu			16	12	8	4	28	12	40	
Tổng số điểm			4.0	3.0	2.0	1.0	7.0	3.0	10	
Tỷ lệ			40%	30%	20%	10%	75%	25%	100%	

2. Table of test specifications (matrix):

No	Content	Areas	Objectives	Task
1	Listening	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Knowledge	MC
2	Listening	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Knowledge	MC
3	Listening	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Application	Writing
4	Listening	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Application	Writing
5	Pronunciation	Pronunciation (unit 6, 7, 8, 9)	Knowledge	MC
6	Pronunciation	Pronunciation (unit 6, 7, 8, 9)	Knowledge	MC
7	Stress	Stress (unit 6, 7, 8, 9)	Comprehension	MC
8	Stress	Stress (unit 6, 7, 8, 9)	Application	MC
9	Vocabulary	Unit 6, 7, 8, 9	Knowledge	MC
10	Grammar	Unit 6, 7, 8, 9	Knowledge	MC
11	Vocabulary	Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	MC
12	Grammar	Unit 6, 7, 8, 9	Analysis	MC
13	Everyday English	Unit 6, 7, 8, 9	Application	MC
14	Everyday English	Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	MC
15	Public sign/ Notice	Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	MC
16	Public sign/ Notice	Unit 6, 7, 8, 9	Application	MC

17	Reading : Fill in the blank	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Knowledge	MC
18	Reading : Fill in the blank	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Knowledge	MC
19	Reading : Fill in the blank	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Application	MC
20	Reading : Fill in the blank	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Application	MC
21	Reading : Fill in the blank	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	MC
22	Reading : Fill in the blank	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	MC
23	Reading: True / False task	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Knowledge	MC
24	Reading: True / False task	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Knowledge	MC
25	Reading: True / False task	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	MC
26	Reading: True / False task	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	MC
27	Reading: Multiple choice	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Application	MC
28	Reading: Multiple choice	Topics Unit 6, 7, 8, 9	Application	MC
29	Word form	Unit 6, 7, 8, 9	Application	Writing
30	Word form	Unit 6, 7, 8, 9	Analysis	Writing
31	Word form	Unit 6, 7, 8, 9	Application	Writing
32	Word form	Unit 6, 7, 8, 9	Analysis	Writing
33	Word form	Unit 6, 7, 8, 9	Application	Writing
34	Word form	Unit 6, 7, 8, 9	Analysis	Writing
35	Rearrange	Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	Writing

36	Rearrange	Unit 6, 7, 8, 9	Comprehension	Writing
37	Rewriting	Unit 6 (because)	Comprehension	Writing
38	Rewriting	Unit 7 (as...as/ not as...as)	Application	Writing
39	Rewriting	Unit 8 (like/ different from)	Application	Writing
40	Rewriting	Unit 6 (Although)	Application	Writing

Ngày 10 tháng 4 năm 2026